

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Y HỌC**; Chuyên ngành: **NHI KHOA**.

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN NGỌC SÁNG**.

2. Ngày tháng năm sinh: 15/05/1958; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 20/10/83 Nguyễn Bình, Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng – 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm, TP Hải Phòng.

Điện thoại nhà riêng: 02253.729.415; Điện thoại di động: 0912.087.202;

E-mail: nnsang@hpmu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1975 đến năm 1981: Sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1981 đến năm 1984: Phục vụ quân đội (Bác sĩ Đại đội Trường Quân Y).

Từ năm 1984 đến năm 1987: Học viên sau Đại học Trường Đại học Y Hà Nội (Bác sĩ nội trú bệnh viện).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Từ năm 1988 đến nay: Giảng viên bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hải Phòng.

Từ năm 1994 đến năm 1999: Nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1999 đến 2005: Phó Chủ nhiệm Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hải Phòng, Phó Trưởng khoa B - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Từ năm 2006 đến 2011: Trưởng Bộ môn Nhi, Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế Trường Đại học Y Hải Phòng, Phó Trưởng khoa B - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Từ năm 2012 đến 2021: Trưởng Bộ môn Nhi, Trưởng phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Phó Trưởng khoa B - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Từ năm 2022 đến nay: Giảng viên cao cấp bộ môn Nhi Đại học Y Dược Hải Phòng, Phó Trưởng khoa Nội Nhi tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên cao cấp bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Phó Trưởng khoa Nội Nhi Tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, Phó Chủ tịch Hội Thận – Tiết niệu – Lọc máu và Ghép tạng Trẻ em Việt Nam.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Nhi, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Địa chỉ cơ quan: 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253731907.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Chương trình Nhi khoa sau Đại học Quốc tế IPPC (International Pediatrics Post graduate Certificate) của Bệnh viện Trẻ em Westmead và Đại học Sydney, Australia.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn                      nộp                      hồ                      sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 03 năm 1981; số văn bằng: 25\_157/DH; ngành: Y học, chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 11 năm 1995; số văn bằng: 177; ngành: Y học;  
chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội,  
Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 06 năm 1999; số văn bằng: 00429; ngành: Y học;  
chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội,  
Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....;  
chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm 2005,  
ngành: Y học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y  
Dược Hải Phòng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chẩn đoán, điều trị các bệnh Nhi khoa, đặc biệt là  
các bệnh lý về Thận – Tiết niệu ở trẻ em.

- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, phương pháp nghiên cứu  
kết hợp trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe trẻ em nổi lên trong cộng đồng như vấn đề  
về suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, nhiễm khuẩn hô hấp cấp,...

- Nghiên cứu về giáo dục y học: áp dụng phương pháp dạy học mới cho sinh viên và học  
viên sau Đại học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 (hướng dẫn chính: 03) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 29 HVCH/ 12 CK2/ 17 BSNT bảo vệ thành công luận văn  
ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 35 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó chủ nhiệm: 1 đề tài cấp  
Thành phố, 2 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp bộ và 30 đề tài cấp cơ sở.;

- Đã công bố 204 bài báo khoa học (162/204 bài công bố sau khi được công nhận PGS),  
trong đó có 13 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín (đa số thuộc ISI), 13/13  
bài báo khoa học quốc tế công bố sau khi được công nhận PGS;

- Đã được cấp (số lượng) ... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 27, trong đó 27 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2012.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2012; 2015; 2019.
- Bằng khen của Thành phố năm 2014.
- Giải Nhì, Hội nghị Khoa học – Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học – Cao đẳng Y Dược Việt Nam năm 2002 (Bằng khen của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh).
- Giải Nhì, Hội nghị Khoa học của Nghiên cứu sinh năm 1996.
- Huân chương lao động hạng Ba năm 2014.
- Huân chương lao động hạng Nhì năm 2019.
- Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú năm 2010.
- Danh hiệu Thầy thuốc nhân dân năm 2017.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): KHÔNG.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, tôi tự nhận thấy có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, cụ thể là:

- Luôn chấp hành nghiêm mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Nhà trường; đoàn kết với đồng nghiệp, hoà đồng với sinh viên và học viên.
- Được đào tạo chính quy đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy phục vụ đào tạo Đại học và sau Đại học.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng viên và của cán bộ quản lý và quản trị Đại học. Luôn tích cực trong công tác giảng dạy, tổ chức đào tạo, triển khai nghiên cứu, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng.
- Giảng dạy cho sinh viên, học viên y khoa và khối ngành sức khỏe, luôn vượt số giờ quy định (trung bình giảng 270-300 giờ so với định mức 54-81 giờ hằng năm; trong đó trên 50% số giờ là giảng sau Đại học và trên 50% số giờ là trực tiếp đứng lớp).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn bảo vệ thành công hơn 63 luận văn và luận án sau Đại học (04 luận án Tiến sĩ, 13 luận văn Bác sĩ chuyên khoa II Nhi khoa và Quản lý y tế, 17 luận văn Bác sĩ Nội trú Nhi khoa và 29 luận văn Thạc sĩ Nhi khoa và Y tế công cộng).

- Đã hoàn thành 35 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó chủ nhiệm: 1 đề tài cấp Thành phố, 2 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp bộ và trên 30 đề tài cấp cơ sở. Tích cực đăng tải khoa học và báo cáo kết quả nghiên cứu tại các hội thảo khoa trong và ngoài nước.

- Luôn có ý thức nỗ lực trau dồi, học tập liên tục nâng cao trình độ chuyên môn, chủ động tham gia các khoá tập huấn, trao đổi, hợp tác trong và ngoài nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 34 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 2               |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 3               |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2019-2020 | 3                         | 1   |                                    |                                         | 260                                | 325 | 585/272/250                                                                               |
| 5               | 2020-2021 | 3                         | 1   |                                    |                                         | 252                                | 342 | 594/276/250                                                                               |
| 6               | 2021-2022 | 3                         | 1   |                                    |                                         | 205                                | 382 | 587/301/250                                                                               |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, số bằng: 53716; năm cấp: 1996.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Việt Nam; Chương trình Nhi khoa sau đại học Quốc tế IPPC (International Pediatrics Post graduate Certificate) của Bệnh viện Trẻ em Westmead và Đại học Sydney, Australia.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tốt nghiệp Đại học Cử nhân ngoại ngữ trường Đại học Ngoại ngữ/ Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |             | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                    | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-----|------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | CH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                  |                                                       |
| 1  | Đặng Văn Chúc                 | X         |             |                       | X   | 2006-2010                          | Trường Đại học Y Hà Nội          | 02/12/2010                                            |
| 2  | Phạm Thị Hạnh                 | X         |             | X                     |     | 2014-2018                          | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. | 14/05/2019                                            |
| 3  | Nguyễn Bùi Bình               | X         |             | X                     |     | 2016-2020                          | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. | 08/09/2020                                            |
| 4  | Phan Đăng Thân                | X         |             | X                     |     | 2016-2020                          | Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương  | 12/05/2021                                            |
| 5  | Đỗ Thị Mai                    | X         |             | X                     |     | 2018-2022                          | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng  | Chưa bảo vệ                                           |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                    |   |  |   |   |           |                                 |                    |
|---|--------------------|---|--|---|---|-----------|---------------------------------|--------------------|
| 6 | Phạm Thị Thu       | X |  | X |   | 2018-2022 | Viện Dinh dưỡng Quốc gia        | Đã bảo vệ cấp viện |
| 7 | Nguyễn Thuý Giang  | X |  |   | X | 2017-2021 | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Chưa bảo vệ        |
| 8 | Nguyễn Văn Đô      | X |  | X |   | 2018-2022 | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Chưa bảo vệ        |
| 9 | Lê Thị Thanh Huyền | X |  | X |   | 2018-2022 | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng | Chưa bảo vệ        |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                          | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)            | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)   |
|----|---------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                   |                            |                              |            |          |                                                    |                                                              |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                     |                            |                              |            |          |                                                    |                                                              |
| 1  | Hội chứng thận hư tiên phát ở người lớn và trẻ em | Chuyên khảo                | NXB Y học 2007               | 2          | Chủ biên | 63-141                                             | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 769/QĐ-YDHP, 29/04/2022) |
| 2  | Bài giảng Huấn luyện kỹ năng Y khoa               | Giáo trình                 | NXB Y học 2016               | 16         | Chủ biên | 24-43                                              | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 491/QĐ-YDHP, 06/05/2016) |
| 3  | Bài giảng Nhi Khoa sau Đại học tập I              | Giáo trình                 | NXB Y học 2007               | 8          | Chủ biên |                                                    | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 385/QĐ-YDHP, 03/05/2013) |
| 4  | Bài giảng Nhi Khoa sau Đại học tập II             | Giáo trình                 | NXB Y học 2007               | 5          | Chủ biên | 83-111<br>112-192<br>242-266<br>262-267<br>267-278 | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 385/QĐ-YDHP, 03/05/2013) |
| 5  | Kỹ năng Y khoa cơ bản                             | Giáo trình                 | NXB Y học 2009               |            | Tác giả  |                                                    |                                                              |
| 6  | Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu                | Giáo trình                 | NXB Y học 2010               | 21         | Tác giả  | 63-74                                              | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (số                          |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                            |                |                |    |             |                                |                                                                        |
|----|------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----|-------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                            |                |                |    |             |                                | 249/YHP-<br>QLKH&HTQT,<br>21/5/2010)                                   |
| 7  | Bài giảng Đạo đức Y học                                    | Giáo trình     | NXB Y học 2016 | 10 | Tác giả     |                                | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 25A/QĐ-<br>YDHP, 12/01/2016)    |
| 8  | Phương pháp dạy – học<br>lâm sàng                          | Giáo trình     | NXB Y học 2010 | 7  | Tác giả     | 184-185                        | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số<br>494A/QĐ-YDHP,<br>11/05/2016) |
| 9  | Phương pháp dạy – học<br>lâm sàng cho Điều dưỡng           | Giáo trình     | NXB Y học 2012 | 12 | Chủ<br>biên | 7-15, 123-<br>141, 168-<br>179 | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số 489/QĐ-<br>YDHP, 06/05/2016)    |
| 10 | Phương pháp nghiên cứu<br>lâm sàng – dịch tễ học           | Tham<br>khảo   | NXB Y học 2012 | 8  | Chủ<br>biên | 7-26,<br>88-107.               | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 490/QĐ-<br>YDHP, 06/5/2016)     |
| 11 | Bài giảng Nhi Khoa tập I<br>dành cho sinh viên đa<br>khoa  | Giáo trình     | NXB Y học 2013 | 6  | Chủ<br>biên | 25-50                          |                                                                        |
| 12 | Bài giảng Nhi Khoa tập<br>II dành cho sinh viên đa<br>khoa | Giáo trình     | NXB Y học 2013 | 6  | Chủ<br>biên | 62-99,<br>164-171              |                                                                        |
| 13 | Bài giảng Sản phụ khoa<br>(Chương Sơ sinh)                 | Giáo trình     | NXB Y học 2014 | 13 | Tác giả     |                                |                                                                        |
| 14 | Nhiễm khuẩn tiết niệu ở<br>trẻ em                          | Chuyên<br>khảo | NXB Y học 2015 | 1  | Chủ<br>biên |                                | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 742/QĐ-<br>YDHP, 14/07/2020)    |
| 15 | Sách giáo khoa Nhi khoa<br>(Textbook)                      | Giáo trình     | NXB Y học 2016 | 95 | Tác giả     | 1150-1161<br>1173-1183         | Trường Đại học Y Hà<br>Nội (số 4793/QĐ-<br>ĐHYHN, 26/10/2017)          |
| 16 | Phương pháp dạy – học<br>lâm sàng                          | Giáo trình     | NXB Y học 2016 | 7  | Tác giả     | 184-195                        | Trường Đại học Y Hà<br>Nội (số 4793/QĐ-<br>ĐHYHN, 26/10/2017)          |
| 17 | Nhi khoa lâm sàng tập I<br>(đã thẩm định 2020)             | Giáo trình     | NXB Y học 2016 | 1  | Chủ<br>biên |                                | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 742/QĐ-                         |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                 |                |                   |    |             |                                                         |                                                                        |
|----|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|----|-------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                 |                |                   |    |             |                                                         | YDHP, 14/07/2020)                                                      |
| 18 | Nhi khoa lâm sàng tập II<br>(đã thẩm định 2020) | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2016 | 1  | Chủ<br>biên |                                                         | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 742/QĐ-<br>YDHP, 14/07/2020)    |
| 19 | Bệnh học Nhi khoa<br>(đã thẩm định 2020)        | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2016 | 1  | Chủ<br>biên |                                                         | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 742/QĐ-<br>YDHP, 14/07/2020)    |
| 20 | Viêm cầu thận cấp trẻ em<br>(đã thẩm định 2020) | Chuyên<br>khảo | NXB Y<br>học 2018 | 1  | Chủ<br>biên |                                                         | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (số 742/QĐ-<br>YDHP, 14/07/2020)    |
| 21 | Nhi khoa thực hành                              | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2019 | 1  | Chủ<br>biên |                                                         | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số 769/QĐ-<br>YDHP, 29/04/2022)    |
| 22 | Các bệnh nhi khoa<br>thường gặp                 | Tham<br>khảo   | NXB Y<br>học 2019 | 1  | Chủ<br>biên |                                                         | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số 769/QĐ-<br>YDHP, 29/04/2022)    |
| 23 | Giáo trình Nhi khoa sau<br>Đại học              | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2020 | 28 | Chủ<br>biên | 298-310,<br>346-353                                     | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số<br>616A/QĐ-YDHP,<br>11/06/2020) |
| 24 | Giáo trình Module Thận<br>– Niệu                | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2021 | 16 | Chủ<br>biên | 5-12,<br>167-179                                        | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số 769/QĐ-<br>YDHP, 29/04/2022)    |
| 25 | Giáo trình Nhi khoa tập I                       | Giáo trình     | NXB Y<br>học 2022 | 15 | Chủ<br>biên | 154-163,<br>197-206,<br>207-217,<br>218-227,<br>266-277 | Trường Đại học Y Dược<br>Hải Phòng (Số 769/QĐ-<br>YDHP, 29/04/2022)    |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 03 (1,14,20).

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
 - Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ<br>(CT, ĐT...)                                                                                              | CN/<br>PCN/<br>TK | Mã số và cấp<br>quản lý             | Thời gian<br>thực hiện | Thời gian<br>nghiệm thu<br>(ngày,<br>tháng,<br>năm)/Xếp<br>loại KQ |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                |                   |                                     |                        |                                                                    |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                                  |                   |                                     |                        |                                                                    |
| 1  | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em Hải Phòng từ 2 tháng đến 6 tuổi và đề xuất giải pháp làm giảm tỉ lệ mắc bệnh                         | CN                | Thành phố<br>ĐT.YD.2006.430         | 2006-2008              | 27/11/2008<br>Xuất sắc<br>(95,6 điểm)                              |
| 2  | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển con người trong giai đoạn từ 1-6 tuổi theo cách tiếp cận vòng đời                            | CN                | Cấp Bộ<br>518/QĐ-<br>DSGDTE         | 2007-2008              | 26/12/2008<br>Loại A                                               |
| 3  | Thực trạng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em kế hoạch hóa gia đình tại một số khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, vịnh chài 2011                 | PCN               |                                     |                        |                                                                    |
| 4  | Hiệu quả can thiệp mô hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em kế hoạch hóa gia đình tại một số khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, vịnh chài 2012 | PCN               |                                     |                        |                                                                    |
| 5  | Nghiên cứu sự phân bố genotype của HIV, HBV, HCV ở đối tượng tiêm chích ma túy gái mại dâm ở khu vực duyên hải phía bắc Việt Nam               | CN                | Nhánh cấp Nhà<br>nước<br>227-QĐ/YHP | 04/2011 –<br>08/2012   | 20/12/2012<br>Khá                                                  |
| 6  | Nghiên cứu thực trạng và yếu tố liên quan đến dạy và học lâm sàng tại trường Đại học Y Hải Phòng                                               | CN                | Cấp Bộ<br>4705/QĐ-BYT               | 2012-2014              | 19/05/2014<br>Xuất sắc                                             |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                                                                                                                                            |    |                                      |           |                   |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------|-----------|-------------------|
| 7 | Mô hình giám sát và hạn chế tác động của các yếu tố hoá học, sinh học gây ô nhiễm môi trường tới sức khoẻ cộng đồng vùng ven biển miền Bắc | CN | Nhánh cấp Nhà nước<br>KC 10.06/16-20 | 2016-2019 | 09/01/2019<br>Đạt |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------|-----------|-------------------|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang       | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS                                                                          |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                      |                    |
| 1  | Tìm hiểu tập quán nuôi con bằng sữa mẹ ở miền Bắc Việt Nam                                               | 8          |                  | Y học Việt Nam                                  |                                                   |                                            | Tập 5+6, 7-17        | 1987               |
| 2  | Viêm phúc mạc tiên phát trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                                       | 2          |                  | Y học Việt Nam                                  |                                                   |                                            | 145 (4), 12-18       | 1988               |
| 3  | Loạn sản ngoại bì không có tuyến mồ hôi                                                                  | 3          |                  | Y học Việt Nam                                  |                                                   |                                            | 146-147 (5+6), 45-48 | 1988               |
| 4  | Đặc điểm lâm sàng và sinh học qua 52 trường hợp hội chứng thận hư tiên phát thể kháng corticoid ở trẻ em | 2          |                  | Tạp chí Nhi khoa                                |                                                   |                                            | 1 (1), 17-20         | 1992               |
| 5  | Suy tim cấp do thiếu vitamin B1 ở trẻ em                                                                 | 1          | x                | Tạp chí Nhi khoa                                |                                                   |                                            | 1 (3), 114-119       | 1992               |
| 6  | Một số nhận xét về bệnh uốn ván rốn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                       | 1          | x                | Tạp chí Nhi khoa                                |                                                   |                                            | 2(3-4), 136-140      | 1993               |
| 7  | Nghiên cứu các quần thể lympho                                                                           | 3          |                  | Y học thực                                      |                                                   |                                            | 186-188              | 1995               |

|    |                                                                                                     |   |   |                                              |                                 |  |             |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------|---------------------------------|--|-------------|------|
|    | B, lympho T trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                                              |   |   | hành                                         |                                 |  |             |      |
| 8  | Ngộ độc cấp ở trẻ em                                                                                | 1 | x | Tạp chí Nhi khoa                             |                                 |  | 5(1), 26-30 | 1996 |
| 9  | Tình hình sức khỏe và bệnh tật ở trẻ em trường mẫu giáo Sao Sáng-Đồng Quốc Bình-Hải Phòng           | 5 |   | Tạp chí Nhi khoa                             |                                 |  | 5(1), 43-47 | 1996 |
| 10 | Nguyên nhân vi khuẩn và kết quả điều trị 78 trường hợp viêm phổi ở trẻ em                           | 4 | x | Y học thực hành                              |                                 |  | 6(2), 49-52 | 1996 |
| 11 | Studying lymphocyte population in children with idiopathic nephrotic syndrome                       | 3 |   | Conference of the Asian Pediatric Nephrology | Kỷ yếu hội nghị Thận Nhi Châu Á |  |             | 1996 |
| 12 | Nghiên cứu một số chỉ tiêu miễn dịch ở trẻ em bình thường từ 5-10 tuổi                              | 3 |   | Tạp chí Nhi khoa                             |                                 |  | 6(2), 87-92 | 1997 |
| 13 | Nghiên cứu thay đổi miễn dịch dịch thể trong hội chứng thận hư ở trẻ em                             | 3 | x | Tạp chí Nhi khoa                             |                                 |  | 6(1), 35-39 | 1997 |
| 14 | Ngộ độc thuốc chuột Trung Quốc ở trẻ em                                                             | 1 | x | Y học thực hành                              |                                 |  | (9),36      | 1997 |
| 15 | Điều trị hội chứng thận hư kháng steroid ở trẻ em bằng Methylprednisolone                           | 3 | x | Tạp chí Nhi khoa                             |                                 |  | 7(2), 85-90 | 1998 |
| 16 | Nghiên cứu thể lực trẻ em 1-5 tuổi tại Quảng Thanh - Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - Hải Phòng             | 3 | x | Y học thực hành                              |                                 |  | 10-14       | 1998 |
| 17 | Ứng dụng test bì với Tuberculin để nghiên cứu nghiên cứu tiêm phòng lao và lao sơ nhiễm ở trẻ em    | 3 | x | Y học thực hành                              |                                 |  | 15-18       | 1998 |
| 18 | Tình hình suy dinh dưỡng protein - năng lượng của trẻ em dưới 5 tuổi ở Lưu Kiếm - Thủy Nguyên - Hải | 3 | x | Y học thực hành                              |                                 |  | 203-205     | 1998 |

|    |                                                                                                                                   |   |   |                                 |     |  |                           |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------|-----|--|---------------------------|------|
|    | Phòng                                                                                                                             |   |   |                                 |     |  |                           |      |
| 19 | Hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em (Dịch tễ học và cơ chế bệnh sinh)                                                            | 2 | x | Tạp chí Nhi khoa                |     |  | 8(1), 17-20               | 1999 |
| 20 | Điều trị Hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                                                                                     | 2 | x | Tạp chí Nhi khoa                |     |  | 8(2), 101-105             | 1999 |
| 21 | Immune status of children suffering from idiopathic nephrotic syndrome                                                            | 3 |   | Pediatric Nephrology (abstract) | ISI |  |                           | 1999 |
| 22 | Hiệu quả của Methylprednisolone liều cao trên những bất thường miễn dịch trong Hội chứng thận hư tiên phát kháng steroid ở trẻ em | 3 | x | Y học thực hành                 |     |  | 388, 136                  | 2000 |
| 23 | Tình trạng miễn dịch ở trẻ em bị Hội chứng thận hư tiên phát                                                                      | 3 | x | Y học thực hành                 |     |  | (388), 40-45              | 2000 |
| 24 | Thể lực và bệnh tật trẻ em lang thang tại Hà Nội                                                                                  | 3 | x | Y học thực hành                 |     |  | 7(399), 10-12             | 2001 |
| 25 | Nhận xét lâm sàng và vi khuẩn gây bệnh trên 123 trường hợp nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em                                         | 3 | x | Nhi khoa                        |     |  | 10 (số đặc biệt), 304-311 | 2002 |
| 26 | Nhận xét lâm sàng huyết học và phân loại 87 trường hợp bạch cầu cấp ở trẻ em                                                      | 3 | x | Nhi khoa                        |     |  | 10 (số đặc biệt), 444-451 | 2002 |
| 27 | Đánh giá hiệu quả điều trị bằng Prednisolone trong hội chứng thận hư ở trẻ em                                                     | 2 | x | Y học thực hành                 |     |  | (425), 142-144            | 2002 |
| 28 | Tình hình bệnh viêm cầu thận cấp sau nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 1998-2000                                         | 3 | x | Y học thực hành                 |     |  | (425), 172-175            | 2002 |
| 29 | Mô hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em làng SOS ở Hải Phòng                                                                          | 4 | x | Y học thực hành                 |     |  | (420), 165-168            | 2002 |
| 30 | Tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em nghèo Phường Phúc Tân -                                                                     | 2 | x | Y học thực hành                 |     |  | (425), 131-134            | 2002 |

|    |                                                                                                                        |   |   |                                                              |  |  |                  |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------|--|--|------------------|------|
|    | Hoàn Kiếm - Hà Nội                                                                                                     |   |   |                                                              |  |  |                  |      |
| 31 | Hội chứng thận hư tiên phát tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng trong 10 năm (1990-1999)                                    | 2 | x | Y học thực hành                                              |  |  | (2), 52-56       | 2002 |
| 32 | Lâm sàng và xét nghiệm 110 trường hợp bệnh $\beta$ - thalassemia ở trẻ em                                              | 3 | x | Y học thực hành                                              |  |  | (462), 168 - 170 | 2003 |
| 33 | Thực trạng dinh dưỡng và mô hình bệnh tật trẻ em trường 1-6 Hải Phòng                                                  | 7 | x | Y học thực hành                                              |  |  | (492), 106-109   | 2004 |
| 34 | Đặc điểm lâm sàng và huyết học 183 trường hợp xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát ở trẻ em                              | 2 | x | Y học Việt Nam                                               |  |  | 304 (11), 48-54  | 2004 |
| 35 | Tình trạng suy dinh dưỡng thấp còi và một số yếu tố liên quan ở trẻ em trường mầm non An Lư - Thủy Nguyên – Hải Phòng  | 3 |   | Y học thực hành                                              |  |  | 492, 117-121     | 2004 |
| 36 | Thực trạng bệnh suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ em dưới 5 tuổi Phường Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng | 2 | x | Y học thực hành                                              |  |  | 493, 13-16       | 2004 |
| 37 | Thể lực và bệnh tật ở trẻ em Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 2 Hải Phòng                                                      | 3 |   | Y học thực hành                                              |  |  | 493, 20-23       | 2004 |
| 38 | Bệnh $\beta$ -thalassemia thể đồng hợp tử và dị hợp tử kép ở trẻ em: so sánh lâm sàng và huyết học                     | 3 | x | Y học thực hành                                              |  |  | 493, 7-10        | 2004 |
| 39 | Nhận xét lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị 51 trường hợp suy thận cấp sau nhiễm khuẩn ở trẻ em                  | 2 | x | Y học thực hành                                              |  |  | 493, 24-26       | 2004 |
| 40 | Nghiên cứu biến đổi thành phần lipid máu trong hội chứng thận hư trẻ em                                                | 4 | x | Kỷ yếu toàn văn Hội nghị toàn quốc về Nội tiết và chuyển hoá |  |  | 702-708          | 2004 |

|    |                                                                                                                                   |   |   |                                                            |  |  |                           |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------|------|
| 41 | Đánh giá kết quả điều trị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát ở trẻ em                                                        | 2 | x | Kỷ yếu toàn văn Hội nghị toàn quốc về Huyết học Truyền máu |  |  | 497, 52-55                | 2004 |
| 42 | Tình trạng thừa cân béo phì và một số yếu tố liên quan ở trẻ em các trường tiểu học thành phố Thái Bình                           | 3 |   | Y học dự phòng                                             |  |  | 6(71), 17-22              | 2004 |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS                                                                                                     |   |   |                                                            |  |  |                           |      |
| 43 | Nguyên nhân và kết quả điều trị 148 bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                | 2 |   | Y học Việt Nam                                             |  |  | 311 (số đặc biệt) 23-31   | 2005 |
| 44 | Bước đầu nghiên cứu kích thước siêu âm thận của trẻ em bình thường 9-10 tuổi                                                      | 3 | X | Y học Việt Nam                                             |  |  | 311 (số đặc biệt) 153-158 | 2005 |
| 45 | Biến đổi một số thành phần protid và lipid máu trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em dưới tác dụng điều trị bằng prednisolon | 3 |   | Y học Việt Nam                                             |  |  | 332, 546-551              | 2006 |
| 46 | Nhân hai trường hợp bệnh vảy cá phiến lá mỏng (Lamellar Ichthyosis)                                                               | 3 |   | Nhi khoa                                                   |  |  | 14 (số đặc biệt) 180-184  | 2006 |
| 47 | Biến đổi một số thành phần protid và lipid máu trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em dưới tác dụng điều trị bằng prednison   | 3 |   | Y học Việt Nam                                             |  |  | 327 119-124               | 2006 |
| 48 | Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng & cận lâm sàng của 72 trường hợp viêm não Nhật Bản tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng từ 1999-2004  | 2 | X | Y học Việt Nam                                             |  |  | 327 61-67                 | 2006 |
| 49 | Tần suất mắc bệnh và vi khuẩn gây nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi tại 3 xã của                               | 2 |   | Nghiên cứu Y học                                           |  |  | 44 (4) 92-95              | 2006 |

|    |                                                                                                                                        |   |   |                 |  |                 |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------|--|-----------------|------|
|    | huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng                                                                                                          |   |   |                 |  |                 |      |
| 50 | Biến đổi protein niệu, protid máu và tốc độ máu lắng trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em trước và sau điều trị bằng prednisolon | 2 | x | Y học thực hành |  | 552, 192-199    | 2006 |
| 51 | Nghiên cứu một số thông số lipid huyết thanh ở trẻ bình thường 6-15 tuổi                                                               | 3 |   | Y học thực hành |  | Số 543, 31-33   | 2006 |
| 52 | Bệnh bạch cầu cấp thể tủy và thể lympho ở trẻ em: so sánh lâm sàng, huyết học và đáp ứng với điều trị                                  | 2 |   | Y học thực hành |  | Số 543, 125-128 | 2006 |
| 53 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của 279 trường hợp động kinh cơn lớn ở trẻ em                                                        | 2 | x | Y học thực hành |  | 552, 458-465    | 2006 |
| 54 | Nhân 2 trường hợp vảy cá phiên là mỏng ở thị trấn An Lão Hải Phòng                                                                     | 2 |   | Y học thực hành |  | Số 543, 153-156 | 2006 |
| 55 | Nguyên nhân và kết quả điều trị 148 bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng từ 1/2002 – 12/2004                 | 3 |   | Y học thực hành |  | Số 543, 197-201 | 2006 |
| 56 | Nghiên cứu sự biến đổi một số thành phần lipid máu trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                                          | 3 | x | Y học thực hành |  | Số 563, 23-26   | 2006 |
| 57 | Kiến thức, thái độ, kỹ năng cần có của một bác sĩ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường đại học y dược Hải Phòng            | 7 |   | Y học thực hành |  | 563, 115-119    | 2006 |
| 58 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên nhân gây sốt cao co giật không do bệnh nhiễm khuẩn thần kinh ở trẻ em                        | 2 | x | Y học thực hành |  | 563, 168-172    | 2006 |
| 59 | Đánh giá kết quả điều trị 105 trường hợp xuất huyết giảm tiểu                                                                          | 2 | x | Y học thực hành |  | 563, 189-192    | 2006 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                                                  |   |   |                     |  |  |                             |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------|--|--|-----------------------------|------|
|    | cầu tiên phát ở trẻ em tại bệnh viện<br>Trẻ em Hải Phòng                                                                                         |   |   |                     |  |  |                             |      |
| 60 | Thẻ lực và bệnh tật của trẻ em<br>trường mẫu giáo mầm non 2- Hải<br>Phòng                                                                        | 2 | x | Y học thực<br>hành  |  |  | Số 563,<br>229-233          | 2006 |
| 61 | Thực trạng nhiễm khuẩn đường<br>tiểu ở trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi<br>tại cộng đồng                                                             | 3 |   | Nhi khoa            |  |  | 15 (2),<br>84-92            | 2007 |
| 62 | Căn nguyên vi khuẩn và mức độ<br>kháng kháng sinh của một số vi<br>khuẩn gây nhiễm khuẩn đường tiết<br>niệu tại bệnh viện Việt-Tiếp Hải<br>Phòng | 3 | x | Thông tin Y<br>dược |  |  | Số 3<br>36 – 38             | 2007 |
| 63 | Nghiên cứu pH và tỷ trọng nước<br>tiểu trên 3724 trẻ em bình thường<br>từ 2 tháng đến 6 tuổi                                                     | 2 |   | Nghiên cứu y<br>học |  |  | 164-167                     | 2007 |
| 64 | Hiệu quả điều trị bằng Natri<br>valproate trên 238 trường hợp<br>động kinh cơn lớn ở trẻ em tại<br>Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                    | 2 | x | Nghiên cứu y<br>học |  |  | 191-195                     | 2007 |
| 65 | Tình hình kháng kháng sinh của<br>một số vi khuẩn phân lập được tại<br>bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm<br>2003-2004                               | 3 | x | Thông tin Y<br>dược |  |  | Số 6<br>22-26               | 2007 |
| 66 | Vi khuẩn gây nhiễm khuẩn tiết<br>niệu ở 55 trẻ tại 3 xã huyện Kiến<br>Thụy Hải Phòng và sự nhạy cảm<br>của chúng trên kháng sinh đồ              | 2 | x | Y học Việt<br>Nam   |  |  | Tập 336,<br>số 2, 9-<br>15  | 2007 |
| 67 | Tai biến xảy ra trong thực hành<br>truyền máu và các chế phẩm máu<br>tại khoa nhi B Bệnh viện trẻ em<br>Hải Phòng                                | 4 |   | Y học Việt<br>Nam   |  |  | Tập 336,<br>số 2, 41-<br>45 | 2007 |
| 68 | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu<br>ở trẻ em Hải Phòng từ 2 tháng đến<br>6 tuổi và một số giải pháp can<br>thiệp                                 | 3 |   | Y học thực<br>hành  |  |  |                             | 2007 |
| 69 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng<br>động kinh cục bộ phức hợp ở trẻ<br>em tại Bệnh viện Trẻ em Hải                                                | 2 | x | Y học Việt<br>Nam   |  |  | 356 (4),<br>58-63           | 2009 |

|    |                                                                                                                                     |   |   |                                                                                                                                              |  |  |                                        |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------|------|
|    | Phòng                                                                                                                               |   |   |                                                                                                                                              |  |  |                                        |      |
| 70 | Tình hình bệnh tim bẩm sinh tại<br>Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                       | 3 | x | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | 356 (4),<br>424-431                    | 2009 |
| 71 | Tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu và vi<br>khuẩn gây bệnh ở trẻ em 2 tháng<br>đến 6 tuổi tại một số vùng của Hải<br>Phòng                 | 2 |   | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | Tập 357,<br>số đặc<br>biệt,<br>120-125 | 2009 |
| 72 | Kích thước siêu âm thận và mối<br>liên quan giữa chiều dài thận với<br>tuổi, chiều cao, cân nặng ở trẻ em<br>bình thường 6 - 8 tuổi | 6 | x | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | Tập 354,<br>số 2, 68-<br>74            | 2009 |
| 73 | Một số yếu tố liên quan đến nhiễm<br>khuẩn tiết niệu ở trẻ em 2 tháng<br>đến 6 tuổi tại một số vùng của Hải<br>Phòng                | 2 |   | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | Tập 357,<br>số đặc<br>biệt,<br>126-131 | 2009 |
| 74 | Tình hình nhiễm khuẩn tiết niệu<br>tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                   | 4 |   | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | Tập 354,<br>số 2,<br>trang<br>238-246  | 2009 |
| 75 | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu<br>trẻ em 2 tháng đến 6 tuổi tại 3<br>phường Lam Sơn, Văn Đẩu, Tràng<br>Minh - Kiến An năm 2007.   | 3 |   | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | Tập 354,<br>số 2,<br>trang<br>327-336  | 2009 |
| 76 | Biến đổi IgA, IgG, IgM, IgE huyết<br>thanh trong bệnh Schonlein –<br>Henoch ở trẻ em                                                | 4 | X | Y học Việt<br>Nam                                                                                                                            |  |  | 356(2)<br>121-125                      | 2009 |
| 77 | Some determinants of urinary tract<br>infection in children from 2<br>months to 6 years old in Hai<br>Phong, Vietnam in 2008        | 3 |   | Tạp chí Khoa<br>học Đại học<br>Huế - Journal<br>of science<br>(Kì yếu hội<br>nghị The 2nd<br>international<br>conference on<br>public health |  |  | Số 61,<br>31-37                        | 2010 |

|    |                                                                                                                                                                 |   |   |                                                                                                                                                                                                                |  |  |                           |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------|------|
|    |                                                                                                                                                                 |   |   | among<br>countries in<br>the greater<br>Mekong sub-<br>region)                                                                                                                                                 |  |  |                           |      |
|    |                                                                                                                                                                 |   |   | Tạp chí Khoa<br>học Đại học<br>Huế - Journal<br>of science<br>(Kỷ yếu hội<br>nghị The 2nd<br>international<br>conference on<br>public health<br>among<br>countries in<br>the greater<br>Mekong sub-<br>region) |  |  |                           |      |
| 78 | The incidence and causative<br>bacteria of urinary tract infection<br>in children from 2 months to 6<br>years old in some areas of<br>Haiphong, Vietnam in 2008 | 2 | X |                                                                                                                                                                                                                |  |  | Số 61,<br>385-392         | 2010 |
| 79 | Một số yếu tố liên quan đến nhiễm<br>khuẩn tiết niệu ở trẻ 2 tháng đến<br>tuổi tại một số vùng của Hải<br>Phòng năm 2006                                        | 2 |   | Thông tin y<br>dược                                                                                                                                                                                            |  |  | Số 2, 33-<br>36           | 2010 |
| 80 | Hiệu quả can thiệp làm giảm tỷ lệ<br>nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ 2 tháng<br>đến 6 tuổi tại một số vùng của Hải<br>Phòng                                         | 3 |   | Nghiên cứu Y<br>học                                                                                                                                                                                            |  |  | 68(3)<br>189-194          | 2010 |
| 81 | Hiệu quả can thiệp làm giảm tỷ lệ<br>nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ 2 tháng<br>đến 6 tuổi tại một số vùng của Hải<br>Phòng năm 2008                                | 3 |   | Y học thực<br>hành                                                                                                                                                                                             |  |  | Tập<br>725+726<br>565-569 | 2010 |
| 82 | Nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng,<br>cận lâm sàng bệnh viêm não do<br>virus ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ<br>em Hải Phòng năm 2008                                   | 2 |   | Y học thực<br>hành                                                                                                                                                                                             |  |  | Tập<br>725+726<br>599-603 | 2010 |

|    |                                                                                                                                      |   |   |                 |  |  |                            |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------|--|--|----------------------------|------|
| 83 | Tình hình bệnh tim bẩm sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 1/2006 đến tháng 4/2008                                          | 3 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>603-608  | 2010 |
| 84 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của 49 trường hợp động kinh cục bộ phức hợp ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>608-611  | 2010 |
| 85 | So sánh đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm của tiêu chảy cấp do <i>Rotavirus</i> và vi khuẩn <i>E.coli</i> ở trẻ em                       | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>611-615  | 2010 |
| 86 | Đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và điều trị viêm phổi kéo dài trẻ từ 2 tháng - 5 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                   | 4 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>619-623  | 2010 |
| 87 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của 64 bệnh nhân thông liên thất tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                      | 3 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>641-643  | 2010 |
| 88 | Mối tương quan giữa kích thước thận với một số chỉ số nhân trắc ở trẻ em bình thường độ tuổi từ 6-14                                 | 4 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>59-46    | 2010 |
| 89 | Thực trạng bệnh suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ em dưới 5 tuổi tại thị trấn Núi Đồi - Kiến Thụy - Hải Phòng năm 2008 | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>164-169  | 2010 |
| 90 | Thực trạng và một số yếu tố liên quan suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại Quảng Ninh                                               | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726<br>147-152  | 2010 |
| 91 | Thay đổi nồng độ IgA, IgG, IgM, IgE huyết thanh trong bệnh Schonlein-Henoch ở trẻ em trước và sau điều trị bằng Prednisolon          | 5 | x | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726,<br>382-391 | 2010 |
| 92 | Thực trạng học tích cực của sinh viên trường Đại học Y hải Phòng                                                                     | 3 |   | Y học thực hành |  |  | Tập<br>725+726,            | 2010 |

|     |                                                                                                                                          |   |   |                  |  |  |                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------|--|--|----------------------|------|
|     | tại các bộ môn Tiền lâm sàng                                                                                                             |   |   |                  |  |  | 492-497              |      |
| 93  | Sự phát triển thể chất của trẻ em từ 1-6 tuổi tại Quảng Nam, Cần Thơ, Hưng Yên                                                           | 3 |   | Y học thực hành  |  |  | Tập 725+726, 509-513 | 2010 |
| 94  | Nghiên cứu sự biến đổi một số thành phần lipid máu trong hội chứng thận hư tiên phát (HCTHTP) ở trẻ em                                   | 5 | x | Y học thực hành  |  |  | Tập 725+726 436-440  | 2010 |
| 95  | Tình trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi tại tỉnh Quảng Ninh năm 2008 | 2 | X | Nhi khoa         |  |  | 3 (3&4) 247-254      | 2010 |
| 96  | Đánh giá hiệu quả điều trị bằng Glucocorticoid trong xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát ở trẻ em                                         | 2 | x | Thông tin Y dược |  |  | Số 6 15-17           | 2011 |
| 97  | Thực trạng kiến thức và thực hành về sức khỏe sinh sản của học sinh phổ thông vị thành niên tại Hải Phòng năm 2010                       | 2 |   | Nhi Khoa         |  |  | Tập 4, số 4, 71-78   | 2011 |
| 98  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ sơ sinh                           | 3 |   | Nhi Khoa         |  |  | Tập 4, số 4, 135-140 | 2011 |
| 99  | Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và xét nghiệm của 210 trường hợp tiêu chảy cấp do E.coli tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng                | 2 |   | Nhi Khoa         |  |  | Tập 4, số 4, 279-285 | 2011 |
| 100 | So sánh đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm của tiêu chảy cấp do Rotavirus và E.coli ở trẻ em                                                  | 2 |   | Nhi Khoa         |  |  | Tập 4, số 4, 295-302 | 2011 |
| 101 | Một số yếu tố nguy cơ và hiệu quả can thiệp làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ 2 tháng đến 6 tuổi tại Kiến Thụy - Hải Phòng      | 3 |   | Nhi Khoa         |  |  | Tập 4, số 4, 362-367 | 2011 |
| 102 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị 66 trường hợp viêm cầu thận cấp thể đái máu ở trẻ em                                 | 3 | x | Y học Việt Nam   |  |  | Tập 385, số 2, 41-48 |      |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|     |                                                                                                                                          |   |  |                 |  |  |                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|-----------------|--|--|----------------------|------|
| 103 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ sơ sinh                       | 3 |  | Y học Việt Nam  |  |  | Tập 385, số 2, 58-64 |      |
| 104 | Thực trạng học lâm sàng của sinh viên đa khoa chính quy trường Đại học Y Hải Phòng                                                       | 5 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 26-29    | 2012 |
| 105 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị 66 trường hợp viêm cầu thận cấp thể đái máu ở trẻ em.                                | 4 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 306-310  | 2012 |
| 106 | Một số yếu tố nguy cơ và hiệu quả can thiệp làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ 2 tháng đến 6 tháng tuổi tại Kiến Thụy, Hải Phòng | 3 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 136-140  | 2012 |
| 107 | Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và xét nghiệm của 210 trường hợp tiêu chảy cấp do E.coli tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng                | 2 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 266-270  |      |
| 108 | Một số yếu tố ảnh hưởng đến học lâm sàng của sinh viên đa khoa chính quy trường Đại học Y Hải Phòng                                      | 5 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 261-265  | 2012 |
| 109 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ sơ sinh.                          | 3 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 288-292  | 2012 |
| 110 | Nghiên cứu phong cách học của sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng                                                                       | 4 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 310-316  | 2012 |
| 111 | Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đề tài/dự án nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Y Hải Phòng                      | 5 |  | Y học thực hành |  |  | Số 827+828, 316-322  | 2012 |

|     |                                                                                                                                |   |   |                                                         |                            |   |                   |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------|----------------------------|---|-------------------|------|
| 112 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng của 83 trường hợp còn ống động mạch tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng               | 3 | x | Thông tin Y được                                        |                            |   | Số 1, 33-36       | 2013 |
| 113 | Thực trạng học tích cực của sinh viên đa khoa tại các bộ môn tiền lâm sàng                                                     | 2 |   | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 8, 63-68       | 2013 |
| 114 | Clinical and mutational features of Vietnamese children with X-linked agammaglobulinemia.                                      | 5 |   | BMC Pediatrics                                          | Scopus (Q2, CiteScore 3.0) | 8 | 14 (129) 1-5      | 2014 |
| 115 | Biến đổi công thức bạch cầu và globulin miễn dịch huyết thanh trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                       | 2 |   | Kỷ yếu Hội nghị Khoa học tuổi trẻ Y Dược toàn quốc 2014 |                            |   | 275-281           | 2014 |
| 116 | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ từ 2 tháng đến 15 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                   | 7 | x | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921, 54-57     | 2014 |
| 117 | Thực trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Kiến Thụy, Hải Phòng | 5 | x | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921 87-91      | 2014 |
| 118 | Nhân một trường hợp Spina Ventosa được phát hiện muộn                                                                          | 4 | x | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921, 132 - 135 | 2014 |
| 119 | Đặc điểm lâm sàng, miễn dịch và đột biến gen ở 4 trẻ em mắc bệnh giảm Gammaglobulin di truyền liên kết giới tính               | 3 |   | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921, 171-175   | 2014 |
| 120 | Tình hình ngộ độc cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng trong 5 năm (2008 - 2012)                                        | 3 | x | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921, 212-214   | 2014 |
| 121 | Một số yếu tố liên quan giữa lâm sàng với điện não đồ, cộng hưởng                                                              | 2 | x | Y học thực hành                                         |                            |   | Số 921, 299-302   | 2014 |

|     |                                                                                                                                                                 |   |   |                 |             |   |                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------|-------------|---|-------------------|------|
|     | từ số não của động kinh cơn lớn ở trẻ từ 1 - 15 tuổi                                                                                                            |   |   |                 |             |   |                   |      |
| 122 | Thực trạng giảng dạy và lượng giá lâm sàng tại trường Đại học Y Hải Phòng                                                                                       | 4 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 342-345   | 2014 |
| 123 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và cận lâm sàng của 99 trường hợp Schonlein - Henoch ở trẻ em                                                                     | 6 | x | Y học thực hành |             |   | Số 921, 374-377   | 2014 |
| 124 | Kiến thức - thực hành về chăm sóc trẻ mắc bệnh tay chân miệng của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại 3 xã huyện Kiến Thụy - Hải Phòng                             | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 380-384   | 2014 |
| 125 | Kích thước siêu âm thận ở trẻ em bình thường từ 6 đến 10 tuổi                                                                                                   | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 444-448   | 2014 |
| 126 | Hiệu quả của Cyclophosphamid phối hợp với Prednisolon trong điều trị hội chứng thận hư tiên phát thể phụ thuộc và kháng steroid ở trẻ em                        | 7 | X | Y học thực hành |             |   | Số 921, 471-474   | 2014 |
| 127 | Một số yếu tố liên quan đến kiến thức - thực hành về chăm sóc trẻ mắc bệnh tay chân miệng của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại 3 xã huyện Kiến Thụy - Hải Phòng | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 478 - 481 | 2014 |
| 128 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của trẻ bị co giật do sốt cao tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                      | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 518-521   | 2014 |
| 129 | Một số yếu tố liên quan ở trẻ em bị co giật do sốt cao tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                           | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 530-534   | 2014 |
| 130 | Kiến thức, thái độ, thực hành của bố mẹ về co giật do sốt cao tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                    | 3 |   | Y học thực hành |             |   | Số 921, 545-550   | 2014 |
| 131 | Severe congenital neutropenia caused by the ELANE gene                                                                                                          | 5 |   | BMC Hematology  | Scopus (Q2) | 6 | 15 (2) 1-4        | 2015 |

|     |                                                                                                                                                                |   |   |                                            |        |  |                 |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------|--------|--|-----------------|------|
|     | mutation in a Vietnamese boy with misdiagnosis of tuberculosis and autoimmune neutropenia: a case report.                                                      |   |   |                                            | Pubmed |  |                 |      |
| 132 | Case Report: Wilms' Tumor                                                                                                                                      | 1 | x | Advances in Oncology Research & Treatments |        |  |                 | 2015 |
| 133 | Thực trạng và công tác cấp cứu tai nạn giao thông đường bộ tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2013                                                          | 3 |   | Y học thực hành                            |        |  | Số 966, 98-102  | 2015 |
| 134 | Một số yếu tố ảnh hưởng đến giảng dạy lâm sàng tại Đại học Y Dược Hải Phòng                                                                                    | 2 |   | Y học thực hành                            |        |  | 966, 141-144    | 2015 |
| 135 | Biến đổi một số thành phần lipid máu trong hội chứng thận hư tiên phát ở trẻ em                                                                                | 3 |   | Y học thực hành                            |        |  | 966, 192-195    | 2015 |
| 136 | Nghiên cứu động kinh cục bộ ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                                            | 2 |   | Y học thực hành                            |        |  | 966, 232-236    | 2015 |
| 137 | Nhiễm khuẩn tiết niệu ở cộng đồng thành phố Hải Phòng, kế hoạch phòng bệnh                                                                                     | 3 |   | Y học thực hành                            |        |  | Số 966, 269-275 | 2015 |
| 138 | Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cắt lớp vi tính viêm phổi thùy tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                    | 3 |   | Y học thực hành                            |        |  | 966, 281-284    | 2015 |
| 139 | Hội chứng thận hư tiên phát thể phụ thuộc steroid ở trẻ em: đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bằng Cyclophosphamid liều cao truyền tĩnh mạch | 4 | X | Y học thực hành                            |        |  | 966, 347-351    | 2015 |
| 140 | Tình hình bệnh tay, chân, miệng tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                                                 | 3 |   | Y học thực hành                            |        |  | 966, 281-284    | 2015 |

|     |                                                                                                                                                        |   |   |                 |  |  |                     |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------|--|--|---------------------|------|
|     | năm 2013                                                                                                                                               |   |   |                 |  |  |                     |      |
| 141 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bằng Cyclophosphamid truyền tĩnh mạch trong hội chứng thận hư tiên phát phụ thuộc steroid ở trẻ em | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Số 1004, 358-361    | 2016 |
| 142 | So sánh đặc điểm lâm sàng và sinh học của hội chứng thận hư tiên phát kháng steroid và đáp ứng steroid ở trẻ em                                        | 2 |   | Y học thực hành |  |  | Số 1004, 351-353    | 2016 |
| 143 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị 63 trường hợp viêm phổi thùy tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                        | 4 |   | Y học thực hành |  |  | Số 1004, 370-373    | 2016 |
| 144 | Thực trạng bệnh bại não tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng trong 3 năm                                                                                     | 4 |   | Y học thực hành |  |  | Số 1004, 465-467    | 2016 |
| 145 | Chất lượng cuộc sống trẻ em mắc hội chứng thận hư tiên phát theo các thể lâm sàng                                                                      | 2 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 9, số 4, 69-74  | 2016 |
| 146 | Đặc điểm dịch tễ lâm sàng và kết quả điều trị lâu dài bệnh xơ hóa cơ Delta tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                              | 3 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 9, số 4, 63-68  | 2016 |
| 147 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị bằng Glucocorticoid của 46 trường hợp xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát ở trẻ em                    | 2 | X | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 2, 39-44 | 2017 |
| 148 | Biến đổi tim mạch ở bệnh nhân $\beta$ -thalassemia tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                      | 2 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 2, 45-49 | 2017 |
| 149 | Đánh giá chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân thalassemia tại Bệnh viện Trẻ                                                       | 3 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 2, 50-55 | 2017 |

|     |                                                                                                                                        |   |   |                 |  |  |                     |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------|--|--|---------------------|------|
|     | em Hải Phòng                                                                                                                           |   |   |                 |  |  |                     |      |
| 150 | Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh chụp cắt lớp vi tính chấn thương sọ não trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                            | 3 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 2, 69-78 | 2017 |
| 151 | Lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm thận bể thận cấp ở trẻ em                                                              | 2 | x | Y học Việt Nam  |  |  | Số 6, 157-159       | 2017 |
| 152 | Chất lượng cuộc sống của trẻ em mắc hội chứng thận hư tiên phát theo các thể lâm sàng                                                  | 2 | x | Y học Việt Nam  |  |  | Số 6, 157-159       | 2017 |
| 153 | Yếu tố ảnh hưởng đến thực hành lâm sàng của sinh viên đa khoa chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng                                | 4 |   | Y học thực hành |  |  | Số 6, 48-51         | 2017 |
| 154 | Thực trạng học tập và lượng giá lâm sàng của sinh viên đa khoa chính quy trường Đại học Y Dược Hải Phòng                               | 3 |   | Y học thực hành |  |  | Số 6, 202-205       | 2017 |
| 155 | Một số đặc điểm dịch tễ học lâm sàng nhóm trẻ bại não liên quan tới thiếu oxy não                                                      | 3 |   | Y học thực hành |  |  | Số 6, 353-355       | 2017 |
| 156 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của 35 trường hợp lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em                                           | 3 | X | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 4 61-66  | 2017 |
| 157 | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ từ 2 tháng đến 15 tuổi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                           | 3 |   | Y học thực hành |  |  | 10 (1058), 107-109  | 2017 |
| 158 | Nhận xét kết quả nội soi khí quản bằng ống mềm trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý hô hấp ở trẻ em                                     | 4 |   | Nhi khoa        |  |  | Tập 10, số 4 75-83  | 2017 |
| 159 | Tỷ lệ mới mắc tích lũy hội chứng tiêu chảy cấp và một số yếu tố thời tiết liên quan tại một xã của tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2014 – 2015 | 3 |   | Y học dự phòng  |  |  | 27 (9), 177-194     | 2017 |

|     |                                                                                                                                                           |   |   |                                                                                                                    |     |   |                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----------------------------|------|
| 160 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị 70 trường hợp viêm thận bể thận cấp ở trẻ em                                                          | 2 |   | Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y Dược Huế                                                                     |     |   | Số đặc biệt tháng 8 445-450 | 2017 |
| 161 | Novel HAX1 Gene Mutation in a Vietnamese Boy with Severe Congenital Neutropenia                                                                           | 6 |   | Hindawi Case Reports in Pediatrics                                                                                 | ISI | 2 | 14 (129) 1-5                | 2018 |
| 162 | Sử dụng mô hình ARIMAX và một số yếu tố thời tiết để dự báo ngắn hạn bệnh tiêu chảy tại Hà Tĩnh                                                           | 3 |   | Y học dự phòng                                                                                                     |     |   | 28 (12), 70-78              | 2018 |
| 163 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị 151 bệnh nhi viêm cầu thận cấp sau nhiễm khuẩn                                                          | 3 | X | Y học thực hành                                                                                                    |     |   | 8 (1077), 363-367           | 2018 |
| 164 | Quality of life of children with idiopathic nephrotic syndrome according to clinical types                                                                | 3 | X | Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering                                                             |     |   | Vol.06, Number 1, 38-41     | 2018 |
| 165 | Evaluating results of trail application of some clinical teaching – learning methods for medical students of Haiphong University of Medicine and Pharmacy | 2 | X | Journal of Military Pharmacomedicine (Hội nghị khoa học quốc tế những tiến bộ mới trong đào tạo, NCKH và điều trị) |     |   | 44(2) 111-118               | 2019 |
| 166 | Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu trên trẻ em có sốt từ 2 tháng đến 15 tuổi tại bệnh viện sản nhi Nghệ                                                     | 3 |   | Y học Việt Nam                                                                                                     |     |   | 481 (Số đặc biệt)           | 2019 |

|     |                                                                                                                                                                        |   |   |                |  |  |                               |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------|--|--|-------------------------------|------|
|     | An.                                                                                                                                                                    |   |   |                |  |  | 148-153                       |      |
| 167 | Tai biến truyền máu sớm tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                                                                 | 5 | X | Y học Việt Nam |  |  | 483 (Số đặc biệt), 143-148    | 2019 |
| 168 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị của trẻ tự kỷ từ 3 đến 6 tuổi tại Bệnh viện Nhi Thái Bình                                                            | 3 |   | Y học Việt Nam |  |  | 483 (Số đặc biệt), 76-82      | 2019 |
| 169 | Đặc điểm lâm sàng, nội soi, mô bệnh học và kết quả cắt polyp đại trực tràng ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Thái Bình                                                       | 4 |   | Y học Việt Nam |  |  | 483 (Số đặc biệt), 70-75      | 2019 |
| 170 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và kết quả điều trị viêm cầu thận cấp sau nhiễm khuẩn tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                     | 2 |   | Y học Việt Nam |  |  | 481 (Số đặc biệt), 204-211    | 2019 |
| 171 | Đánh giá chất lượng cuộc sống của trẻ mắc lupus ban đỏ hệ thống                                                                                                        | 4 | X | Y học Việt Nam |  |  | Tập 484, số đặc biệt, 17-25   | 2019 |
| 172 | Thực trạng truyền máu tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                                                                                   | 3 | X | Y học Việt Nam |  |  | Tập 484, số đặc biệt, 26-31   | 2019 |
| 173 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị hội chứng thận hư tiên phát phụ thuộc và kháng steroid ở trẻ em bằng cyclophosphamid tĩnh mạch kết hợp prednisolon | 3 |   | Y học Việt Nam |  |  | Tập 484, số đặc biệt, 130-139 | 2019 |
| 174 | Sự biến đổi một số thông số miễn dịch trước và sau điều trị hội chứng thận hư tiên phát thể phụ thuộc và kháng steroid ở trẻ em bằng cyclophosphamid tĩnh mạch         | 3 |   | Y học Việt Nam |  |  | Tập 484, số đặc biệt, 140-148 | 2019 |

|     |                                                                                                                                                  |   |   |                       |                                                          |   |                               |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------|----------------------------------------------------------|---|-------------------------------|------|
|     | kết hợp prednisolone                                                                                                                             |   |   |                       |                                                          |   |                               |      |
| 175 | Phân tích tình hình sử dụng thuốc và hiệu quả trong xuất huyết giảm tiểu cầu tiên phát ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                   | 7 |   | Y học Việt Nam        |                                                          |   | Tập 484, số đặc biệt, 228-233 | 2019 |
| 176 | Bước đầu ứng dụng ghép tế bào gốc tự thân làm thay đổi chức năng vận động của nhóm trẻ bại não do thiếu oxy não                                  | 3 |   | Y học Việt Nam        |                                                          |   | Tập 484, số đặc biệt, 287-294 | 2019 |
| 177 | Hypothermia from a two-component mixture comprising Amoxicillin and Sulbactam                                                                    | 8 |   | Clinical case reports | Web of Science (ESCI), Scopus (Q3, CiteScore 0,4) Pubmed | 1 | 8(6),1101-1103                | 2020 |
| 178 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và một số nguyên nhân co giật do sốt đơn thuần tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                        | 4 | X | Y học Việt Nam        |                                                          |   | 488 (2), 174-177              | 2020 |
| 179 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, điện não đồ và cộng hưởng từ sọ não của 86 trường hợp động kinh cơn lớn ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng   | 3 | X | Y học Việt Nam        |                                                          |   | 488 (2), 208-211              | 2020 |
| 180 | Nhận xét đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của viêm phổi mắc phải cộng đồng ở trẻ em tại Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí năm 2019 | 3 |   | Y học Việt Nam        |                                                          |   | 489 (2), 208-212              | 2020 |
| 181 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và một số yếu tố liên quan tới độ nặng của viêm tiểu phế quản cấp ở                                                | 4 | x | Y học Việt Nam        |                                                          |   | 490 (1), 67-70                | 2020 |

|     |                                                                                                                       |   |   |                                                   |                                                  |   |                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---|-----------------------|------|
|     | trẻ em                                                                                                                |   |   |                                                   |                                                  |   |                       |      |
| 182 | Kết quả can thiệp thử nghiệm một số biện pháp dạy – học lâm sàng với sinh viên y khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng | 4 | X | Y học Việt Nam                                    |                                                  |   | 490 (2), 100-105      | 2020 |
| 183 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của hen phế quản ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                            | 3 |   | Y học Việt Nam                                    |                                                  |   | 490 (2), 129-133      | 2020 |
| 184 | Tình hình ngộ độc cấp ở trẻ em tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng trong 5 năm từ 2013 đến 2017                            | 3 | X | Y học Việt Nam                                    |                                                  |   | 490 (2), 214-217      | 2020 |
| 185 | Surveillance and outbreak response of hand foot mouth disease in Haiphong Children s Hospital Vietnam                 | 3 | x | Global Security: Health, Science and Policy, 2021 |                                                  | 0 | 6(1), 49-56           | 2021 |
| 186 | Late Discovering Spina Ventosa: A Case Report                                                                         | 6 | x | International Medical Case Reports Journal        | Web of Science (ESCI) Scopus (Q3, CiteScore 1,0) | 0 | 14, 449-453           | 2021 |
| 187 | Intestinal perforation caused by fishbone in a child with the misdiagnosis of acute appendicitis: a case report       | 4 | x | Clinical case reports                             | Web of Science (ESCI) Scopus (Q3) Pubmed         | 0 | 9(8):e04584 1-4       | 2021 |
| 188 | First report on health-related quality of life among children with chronic immune thrombocytopenia in Vietnam         | 4 | x | Clinical Epidemiology and Global Health           | Web of Science (ESCI) Scopus (Q2, CiteScore 2,7) | 1 | 12 (2021) 100914, 1-5 | 2021 |

|     |                                                                                                                                                 |   |   |                                                                    |                                                  |   |                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---|-----------------------|------|
| 189 | Clinical Epidemiological Characteristics and Risk Factors for Severe Bronchiolitis Caused by Respiratory Syncytial Virus in Vietnamese Children | 4 | x | Hindawi International Journal of Pediatrics                        | Scopus (Q3, CiteScore 1,9)                       | 2 | 2021: 9704666, 1-4    | 2021 |
| 190 | Lifestyle Interventions Reduce the Risk of Type II Diabetes and Cardiovascular Diseases Development among Pre-diabetic Adults                   | 5 | x | International Journal of Pharmaceutical Research & Allied Sciences | Web of Science (ESCI)                            | 0 | 10 (2), 94-102        | 2021 |
| 191 | High prevalence of metabolic syndrome among overweight adults in Vietnam based on different criteria: Results from a community-based study      | 5 | x | Clinical Epidemiology and Global Health                            | Web of Science (ESCI) Scopus (Q2, CiteScore 2,7) | 0 | 12 (2021) 100852, 1-5 | 2021 |
| 192 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến thiếu máu thiếu sắt ở trẻ từ 6 tháng đến 5 tuổi                                    | 4 |   | Y học Việt Nam                                                     |                                                  |   | 503(2), 194-199       | 2021 |
| 193 | Kích thước thận bình thường ở trẻ em từ 6 – 10 tuổi trên phim chụp cắt lớp vi tính                                                              | 3 |   | Y học Việt Nam                                                     |                                                  |   | 503 (2), 200-206      | 2021 |
| 194 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và biến chứng của bệnh cúm mùa tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                                     | 4 |   | Y học Việt Nam                                                     |                                                  |   | 503 (2), 207-215      | 2021 |
| 195 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và yếu tố nguy cơ viêm thận trong Schonlein-Henoch ở trẻ em                                                       | 3 | X | Y học Việt Nam                                                     |                                                  |   | 503(1), 183-191       | 2021 |
| 196 | Đánh giá hiệu quả bổ sung lợi khuẩn <i>lactobacillus casei shirota</i> trên trẻ 3 – 5 tuổi bị táo bón chức năng tại 4 xã, tỉnh Thanh Hóa        | 4 |   | Y học Việt Nam                                                     |                                                  |   | 509(2), 170-175       | 2021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|     |                                                                                                                                  |   |   |                                     |                                                  |  |                           |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------------------------|------|
| 197 | Tình trạng dinh dưỡng trẻ 3-5 tuổi và một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi tại một số xã, tỉnh Thanh Hóa năm 2017 | 4 |   | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | 509(2), 305-310           | 2021 |
| 198 | Xác định đột biến gen gây bệnh thalassemia ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                               | 3 |   | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | 509(1), 361-365           | 2021 |
| 199 | Đặc điểm lâm sàng và huyết học theo gen đột biến của bệnh nhi thalassemia tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                         | 3 |   | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | 509(1), 343-347           | 2021 |
| 200 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và xét nghiệm của 71 trường hợp nhiễm khuẩn tiết niệu do E.coli tại bệnh viện Sản-Nhi Nghệ An      | 3 |   | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | 509(số chuyên đề) 124-130 | 2021 |
| 201 | Clinical epidemiology characteristics and antibiotic resistance associated with urinary tract infections caused by <i>E.coli</i> | 5 | x | International Journal of Nephrology | Web of Science (ESCI) Scopus (Q3, CiteScore 2,4) |  | 2022: 2552990 1-5         | 2022 |
| 202 | Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 3-5 tuổi tại 4 xã tỉnh Thanh Hoá năm 2017                                 | 4 |   | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | 541, 230-234              | 2022 |
| 203 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và biến chứng của bệnh sỏi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019                                 | 3 | x | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | Tập 515 Số đặc biệt       | 2022 |
| 204 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và một số nguyên nhân của bệnh mày đay cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2020-2021   | 3 | x | Y học Việt Nam                      |                                                  |  | Tập 515 Số đặc biệt       | 2022 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 (188;189;190;191;192;193;201)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
 - Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN     | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú              |
|----|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| 1  | Chương trình đào tạo Bác sĩ đa khoa dựa trên năng lực (đổi mới) | Tham gia                       | Số 720/QĐ-YDHP ngày 20/6/2017                | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng    | Số 621A/QĐ-YDHP ngày 04/7/2018  | Dự án HPET – Bộ Y tế |
| 2  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng chính quy (sửa đổi) | Tham gia                       | Số 553/QĐ-YDHP ngày 07/6/2019                | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng    | Số 1200/QĐ-YDHP ngày 08/10/2020 |                      |
| 3  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa                           | Tham gia                       |                                              | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng    | Số 783/QĐ-YDHP ngày 23/11/2015  |                      |
| 4  | Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Y tế công cộng năm 2015   | Tham gia                       |                                              | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng    | Số 1012/QĐ-YDHP ngày 31/12/2015 |                      |
| 5  | Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Y tế công cộng năm 2017   | Tham gia                       |                                              | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng    | Số 1596/QĐ-YDHP ngày 30/12/2017 |                      |
| 6  | Chương trình                                                    | Tham gia                       |                                              | Trường Đại                         | Số 1456/QĐ-                     |                      |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                                                                                       |          |  |                                       |                                        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|---------------------------------------|----------------------------------------|--|
|   | đào tạo trình độ<br>Thạc sĩ Y tế<br>công cộng năm<br>2018                             |          |  | học Y Dược<br>Hải Phòng               | YDHP ngày<br>28/12/2018                |  |
| 7 | Chương trình<br>đào tạo trình độ<br>Thạc sĩ Y tế<br>công cộng năm<br>2019             | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 1938/QĐ-<br>YDHP ngày<br>31/12/2019 |  |
| 8 | Chương trình<br>đào tạo trình độ<br>Thạc sĩ Y tế<br>công cộng năm<br>2020             | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 2066/QĐ-<br>YDHP ngày<br>31/12/2020 |  |
|   | Chương trình<br>đào tạo trình độ<br>BSCK1 Nhi<br>khoa                                 | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 339/QĐ-<br>YDHP ngày<br>12/5/2014   |  |
|   | Chương trình<br>đào tạo trình độ<br>Bác sĩ chuyên<br>khoa II chuyên<br>ngành Nhi khoa | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 362/QĐ-<br>YDHP ngày<br>24/4/2013   |  |
|   | Chương trình<br>đào tạo Bác sĩ<br>nội trú bệnh viện<br>chuyên ngành<br>Nhi khoa       | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 508/QĐ-<br>YDHP ngày<br>24/4/2013   |  |
|   | Chương trình<br>đào tạo trình độ<br>Tiến sĩ, chuyên<br>ngành Nhi khoa                 | Tham gia |  | Trường Đại<br>học Y Dược<br>Hải Phòng | Số 460/QĐ-<br>YDHP ngày<br>17/6/2014   |  |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân  
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được  
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp  
luật.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

SANG

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng**